



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
SAFOCO**

Năm 2012

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Định hướng phát triển	7
6. Rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	14
4. Tình hình tài chính	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2. Tình hình tài chính	16
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY....	17
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	20
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	21
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1. Hội đồng quản trị.....	23
2. Ban Kiểm soát	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS.....	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	26
1. Ý kiến kiểm toán	26
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	28

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- ÷ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO
- ÷ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/09/2011.
- ÷ Vốn điều lệ: 45.457.770.000 đồng
- ÷ Vốn chủ sở hữu: 82.745.599.270 đồng
- ÷ Địa chỉ: Số 7/13 – 7/25 đường Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM
- ÷ Số điện thoại: 84–8 372 452 64
- ÷ Số fax: 84–8 372 452 63
- ÷ Website: www.safocofood.com
- ÷ Mã cổ phiếu: SAF

2. Quá trình hình thành và phát triển

1.1 Quá trình thành lập

- ÷ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO tiền thân là Cửa hàng Lương thực - Thực phẩm Số 4 được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/04/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM, là đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty Lương thực Tp.HCM.
- ÷ Đến năm 1999, Cửa hàng được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực - Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/05/1999 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- ÷ Năm 2004, Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- ÷ Năm 2005, Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/05/2005 theo Giấy phép kinh doanh số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ đồng*), trong đó Nhà nước nắm giữ 51,29%.
- ÷ Tháng 03/2006, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 đồng lên 27.060.000.000 đồng.

1.2 Quá trình niêm yết

- ÷ Theo Giấy phép niêm yết số 95/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2006, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã công bố việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAF, và ngày giao dịch đầu tiên là 28/12/2006.

- ÷ Chuyển sàh giao dịch từ Sở GDCK Tp.HCM ra Sở GDCK Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN ngày 26/05/2009 của Sở GDCK Hà Nội, và ngày 08/06/2009 mã chứng khoán SAF chính thức giao dịch tại Sở GDCK Hà Nội.
- ÷ Tháng 04/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu và tháng 08/2010, đăng ký niêm yết bổ sung 324.672 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu lưu hành là 3.030.672 cổ phiếu tương đương với vốn điều lệ là 30.306.720.000 đồng.
- ÷ Tháng 04/2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án tăng vốn điều lệ và tháng 05/2011, Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 30.306.720.000 đồng lên 45.457.770.000 đồng. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được niêm yết bổ sung ngày 25/07/2011, và giao dịch ngày 29/07/2011.

1.3 Các thành tích đạt được

- ÷ Công ty vinh dự được Nhà nước tặng thưởng:
 - Huân chương lao động hạng III (năm 1991), hạng II(năm 1998), hạng I(năm 2005).
 - Huân chương Độc lập hạng III (năm 2009).
- ÷ Liên tục 12 năm (từ năm 2001 - 2012) nhận Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ.
- ÷ Liên tục 06 năm (từ năm 2004 - 2011) được bình chọn danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao.
- ÷ Cúp vàng “Thương hiệu - nhãn hiệu“ năm 2008 do Tạp chí Văn Hiến Việt Nam – Công ty Cổ phần Văn hóa Thông tin tổ chức.
- ÷ Thương hiệu đạt “Danh hiệu Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2008” do Liên hiệp Các hội Khoa học & Kỹ Thuật Việt Nam tổ chức.
- ÷ Giải vàng Thương hiệu An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2009 và Top 20 Doanh nghiệp lớn, Giải vàng Thương hiệu ATVSTP năm 2009 do Ban Tổ chức Chương trình tuyên dương, trao tặng giải thưởng Chất lượng ATVSTP Bộ Y tế năm 2009.
- ÷ Doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2009, 2010 do Công ty Cổ phần Truyền thông Tài chính Chứng khoán Việt Nam (VNSF.media).
- ÷ Top 20 Doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- ÷ “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín - 2009” và Danh hiệu “Top 100 Doanh nghiệp Niêm yết hàng đầu Việt Nam” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Awards Viet Nam Leading Stock Brand 2009.
- ÷ Giải thưởng “Thương hiệu Nổi tiếng Quốc Gia 2010” do Bộ Công Thương tổ chức.
- ÷ Giải thưởng “Người Việt – Hàng Việt” do Tập đoàn Doanh nhân Đất Việt tổ chức.
- ÷ Trong năm 2012, Safoco đã được công nhận là Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Thương hiệu nổi tiếng Asean. Tiếp tục được Người tiêu dùng trong nước bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” năm thứ 7 liên tiếp.

Hình ảnh một số sản phẩm của Công ty:

Sản phẩm Mì

Mì Xào cao cấp
KL: 500 gr



Mì Trứng cao cấp
KL: 500 gr



Mì Thượng hạng
KL: 400 gr



Mì Chay thượng hạng
KL: 250 gr, 350 gr

Sản phẩm Nui

Nui đậu xanh
KL: 300 gr



Nui ống
KL: 200 gr, 400 gr



Nui gạo hình Xoắn
KL: 200 gr, 400 gr



Nui Ăn liền
KL: 200 gr, 400 gr

Sản phẩm Bún

Bún tươi
KL: 100 gr, 300 gr



Bún Xào
KL: 300 gr



Bún Xào
KL: 500 gr



Món ăn gọi ý

Sản phẩm Bánh tráng

Món ăn gọi ý



Bánh tráng 16cm
KL: 200 gr, 300 gr



Món ăn gọi ý



Bánh tráng 22cm
KL: 300 gr, 500 gr

Hình ảnh 03 sản phẩm mới năm 2012:



Món ăn gỏi ý

Nui lớn cao cấp
KL: 400grNui xoắn cao cấp
KL: 400grNui tôm khô cao cấp
KL: 500gr

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- ÷ Sản xuất các mặt hàng mì sợi, bún, nui và bánh tráng các loại từ tinh bột, bột mì, bột gạo;
- ÷ Chế biến các mặt hàng lương thực, thực phẩm;
- ÷ Mua bán các mặt hàng lương thực - thực phẩm, công nghệ phẩm, nông - thủy - hải sản, vải sợi, quần áo, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử - điện lạnh - điện gia dụng, mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da, văn phòng phẩm, hàng sành sứ - thủy tinh, các loại thức uống nhanh, hàng tươi sống, nhựa gia dụng, rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- ÷ Mua bán vật liệu xây dựng;
- ÷ Cho thuê nhà xưởng;
- ÷ Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- ÷ Sản xuất đồ trang trí nội thất (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí và sản xuất hàng gốm sứ - thủy tinh tại trụ sở).

3.2 Địa bàn kinh doanh

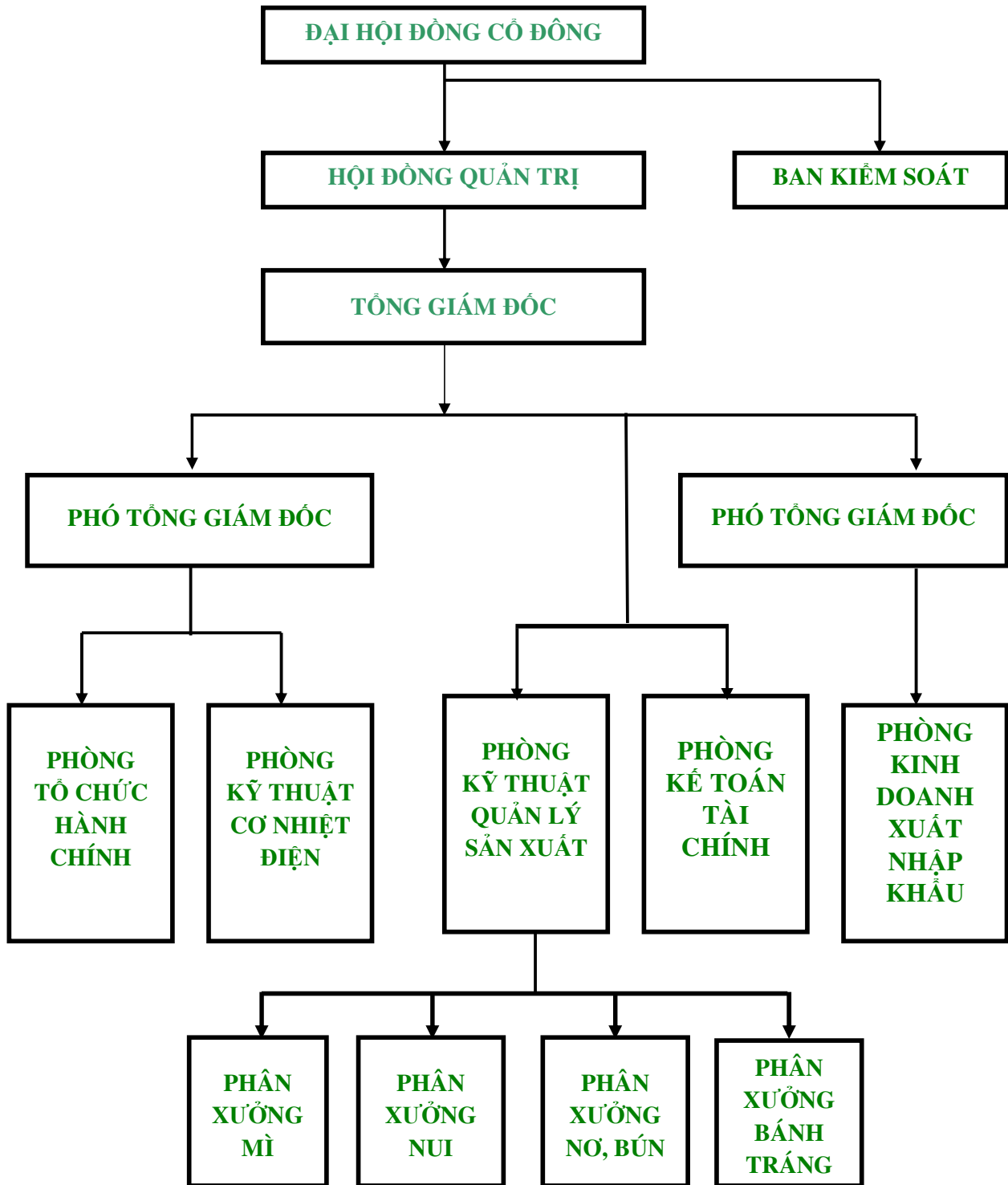
- ÷ Việt Nam: thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thành miền Tây; miền Trung; thành phố Hà Nội và các tỉnh miền Bắc ..v..v...
- ÷ Nước ngoài: Asean, Nhật, Đông Âu, Hàn Quốc, Mỹ ..v..v....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội khoá 11 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu của Công ty

- ÷ Cam kết cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, dinh dưỡng nhất, bằng sự tôn trọng và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sức khỏe cộng đồng theo đúng Chính sách chất lượng của Công ty đề ra: “Luôn tôn trọng sức khỏe của người tiêu

dùng” để chinh phục người tiêu dùng, nhằm xây dựng sự phát triển bền vững thương hiệu Safoco trên thị trường nội địa và quốc tế.

- ÷ Tổ chức hoạt động SXKD các ngành nghề hợp pháp nhằm tăng hiệu quả cho Công ty, đóng góp ngân sách cho nhà nước, quyền lợi của cổ đông được tăng trưởng, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động.
- ÷ Hoạt động vì cộng đồng như tặng quà (là sản phẩm của Công ty) cho người nghèo, người già ở các tỉnh thành trên toàn quốc; xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty

- ÷ Quan tâm theo dõi cập nhật thông tin về tình hình kinh tế thế giới, chính sách của Nhà nước, từ đó hoạch định chiến lược SXKD phù hợp với nguồn lực của Công ty để mang lại hiệu quả cao nhất.
- ÷ Tiếp tục nghiên cứu nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm cũ để phục vụ tốt hơn nhu cầu hiện tại của khách hàng và phát triển sản phẩm mới đáp ứng sự thay đổi của thị trường, nhu cầu của khách hàng ngày càng đa dạng và chưa được thỏa mãn.
- ÷ Duy trì và phát huy vai trò của hệ thống ISO 9001:2008 và HACCP trong kiểm soát chất lượng sản phẩm nội bộ; kiểm soát chặt chẽ nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật đầu vào, các định mức sử dụng nguyên phụ liệu, song hành với việc nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, tạo bước đột phá về chất lượng sản phẩm.
- ÷ Tăng cường chương trình tiếp xúc thương mại với các đối tác nước ngoài thông qua việc tham gia các hội chợ quốc tế, tham quan khảo sát,... để tìm thêm các khách hàng mới, đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm mang thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài nhằm tăng nguồn thu ngoại tệ.
- ÷ Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa bằng nhiều chính sách bán hàng thích hợp như: định giá bán hợp lý phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, có hiệu quả, nâng cao niềm tin ở khách hàng. Đồng thời, xử lý các trường hợp tiêu cực (nếu có) gây khó khăn cho khách hàng.
- ÷ Quan tâm công tác quảng bá thương hiệu bằng nhiều hình thức để nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty. Đồng thời, duy trì và huấn luyện nâng cao đội ngũ nhân viên tiếp thị có năng lực làm tốt công tác thị trường.
- ÷ Quản lý tiền hàng tốt, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn vốn, thực hành tiết kiệm trong chi phí, không lãng phí về vật chất và thời gian trong các lĩnh vực hoạt động.
- ÷ Duy trì, nâng cao hiệu quả công tác bảo trì, tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất và giảm tiêu thụ điện.
- ÷ Cung cấp kịp thời các thông tin về hoạt động của Công ty theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, để cổ đông tin tưởng đầu tư vốn vào Safoco.

6. Rủi ro

- ÷ **Rủi ro kinh tế:** sản phẩm Safoco gần như được xếp vào loại thực phẩm tiêu dùng thiết yếu. Tuy nhiên, những bất ổn vĩ mô của Việt Nam và thế giới những năm gần đây cũng gây ảnh hưởng phần nào đến sức cầu, và thị trường tiêu thụ của Công ty.

- ÷ **Rủi ro kinh doanh:** tình hình cạnh tranh không lành mạnh, hàng giả, hàng nhái là những rủi ro thường xuyên mà Công ty phải đối mặt. Bên cạnh đó là việc phải tuân thủ nghiêm ngặt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nếu phát sinh (dù nhỏ) cũng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương hiệu và doanh số bán hàng của Công ty.
- ÷ **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu:** chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó sự biến động giá cả nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ÷ **Rủi ro tài chính:** Công ty thực hiện chính sách tín dụng bán hàng với các Đại lý, Nhà phân phối. Tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro cho các doanh nghiệp do ảnh hưởng từ việc mất khả năng trả nợ của các đối tác, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của bên cấp tín dụng. Công ty thực hiện cấp tín dụng cho các đối tác trên cơ sở lập hồ sơ năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín để định hạn mức nên hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

S ố t	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011	% thực hiện so với	
						Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011
1	Sản lượng sản xuất/ tiêu thụ	Tấn	8.000	8.118	8.046	101,48%	100,88%
2	Sản lượng bán ra	“	8.000	7.866	7.571	98,32%	103,90%
3	Doanh thu thuần	Triệu đồng	520.000	540.041	506.678	103,85%	106,58%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.000	27.082	22.762	112,84%	119,08%
5	Cổ tức	%	25	34,5 (*)	25	138%	138%
6	Thu nhập BQ/người	Triệu đồng	7.200	8.200	6.900	113,89%	118,84%
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	18.000	24.248	17.313	134,71%	140,06%

(*) : cổ tức dự kiến

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung, tất cả các chỉ tiêu kinh doanh của công ty thực hiện trong năm 2012 đều vượt so với kế hoạch và chỉ tiêu thực hiện của năm 2011.

- ÷ Doanh thu thuần đạt 540 tỷ đồng, vượt 3,85% so với kế hoạch và tăng 6,58% so với thực hiện năm 2011.
- ÷ Lợi nhuận trước thuế đạt 27 tỷ đồng, vượt 12,84% so với kế hoạch, và tăng 19,08% so với năm 2011.
- ÷ Thu nhập bình quân đầu người đạt 8,2 triệu đồng, vượt kế hoạch 13,89%, và tăng 18,84% so với năm 2011.
- ÷ Nộp ngân sách đạt 24,2 tỷ đồng, vượt kế hoạch 34,71%, và tăng 40,06% so với năm 2011.
- ÷ Mặc dù chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 98,32% so với kế hoạch đề ra, nhưng vẫn tăng gần 4% so với thực hiện năm 2011.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ & tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ	Tổng số CP sở hữu
1	Phạm Thị Thu Hồng	1957	Tổng Giám đốc	ĐH. Kinh tế	487.749
2	Nguyễn Tuấn Bao	1952	Phó Tổng Giám đốc	Chứng chỉ CEO	0
3	Huỳnh Anh Minh	1961	Phó Tổng Giám đốc	ĐH.Ngoại thương	0
4	Nguyễn Thị Nga	1959	Kế toán trưởng	ĐH. Kinh tế CN	39.210

2.2 Tóm tắt lý lịch:

a. Bà Phạm Thị Thu Hồng – Tổng giám đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/07/1957
- Nơi sinh : Hải Hưng
- Số CMND : 022482201
- Ngày và nơi cấp : 22/03/2006
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 173 Nguyễn Kim, phường 7, Quận 10, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0903 834 986
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - ÷ Từ 1973 – 1974 : Công tác tại Nhà máy chế biến Mì sợi Hải Hưng
 - ÷ Từ 1975 – 1977 : Công tác tại Phòng Lương thực Quận 10
 - ÷ Từ 1977 – 1985 : Công tác tại Sở Lương thực Tp.HCM
 - ÷ Từ 1985 – 1999 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ 2000 – 2003 : Phó Giám đốc Xí nghiệp LTTP Safoco

- ÷ Từ 2003 – T.4/2005 : Giám đốc Xí nghiệp LTTP Safoco
- ÷ Từ T5/2005 đến T7/2012: Chủ tịch HĐQT & Tổng giám đốc
Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 487.747 cổ phần
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 487.747 cổ phần
 - Đại diện sở hữu Nhà nước: 0
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
 - ÷ Con - Lưu Quang Huy : 60.528 cổ phần
 - ÷ Em ruột - Phạm Thị Thu Minh : 5.945 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không

b. Ông Nguyễn Tuấn Bao – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/06/1952
- Nơi sinh : Long An
- Số CMND : 022675792
- Ngày và nơi cấp : 02/08/2006
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 172 Bà Hạt, phường 9, Quận 10, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0903 732 394
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Chứng chỉ Giám đốc Điều hành
- Quá trình công tác :
 - ÷ Từ 1969 – 1975 : Công tác tại Nhà máy in Trần Phú
 - ÷ Từ 1976 – 1980 : Đi học tại Trường Bô túc Công Nông II Thủ Đức
 - ÷ Từ 1981 – 1982 : Công tác tại Sở Lương thực Tp.HCM
 - ÷ Từ 1983 – 1999 : Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ 2000 – T.4/2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ T5/2005 đến T3/2012: Thành viên HĐQT & Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

c. Ông Huỳnh Anh Minh – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/07/1961
- Nơi sinh : Long An
- Số CMND : 022515752
- Ngày và nơi cấp : 23/11/2010
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 35 Nhiêu Tâm, phường 5, Quận 5, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0903 827 601
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương
- Quá trình công tác :
 - ÷ Từ 1989 – 1998 : Nhân viên phòng Kế hoạch Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ 1998 – 2002 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ 2002 – 2003 : Trưởng phòng Tiêu thụ Công ty bột mì Bình Đông
 - ÷ Từ 2003 – T.4/2005 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ T5/2005 – 2006 : Thành viên HĐQT & Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
 - ÷ Từ 2007 đến nay : Thành viên HĐQT & Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT & Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0
 - Đại diện sở hữu Nhà nước: 454.578 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

d. Bà Nguyễn Thị Nga – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/04/1959
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Số CMND : 020796352

- Ngày và nơi cấp : 08/7/2008 CA.Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 572 Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0913728424
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Kế toán công nghiệp
- Quá trình công tác :
 - ÷ Từ 1981-1988 : Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp vận tải
 - ÷ Từ 1989 – 1996 : Kế toán Công ty TMDV Quảng cáo Mặt trời vàng
 - ÷ Từ 1996 – 1998 : Kế toán Cửa hàng Dona
 - ÷ Từ 1998 – 2000 : Kế toán Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ 2001 – T4/2005 : Kế toán trưởng Xí nghiệp LTTP Safoco
 - ÷ Từ T5/2005 đến nay: Thành viên HĐQT & Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT & Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 39.210 cổ phần
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 39.210 cổ phần
 - Đại diện sở hữu Nhà nước: 0
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không

2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2012

Không có

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng CB.CNVLĐ

Tổng số CB.CNVLĐ tính đến ngày 31/12/2012 là: 539 lao động, trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số lao động	Tỷ lệ (%)
Đại học	30	5,56
Cao Đẳng, Trung cấp	45	8,35
Cấp 3	135	25,04
Cấp 1 & 2	329	61,05
Cộng	539	100

b. Chính sách đối với người lao động

- ÷ Thực hiện đúng các quy định của Luật Lao động: tham gia BHXH, BHYT, BHTN; Trang bị đủ dụng cụ bảo hộ lao động, tập huấn về an toàn lao động, an toàn VSTP và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động; Kết hợp vận dụng nhiều

chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: chi thêm lương bổ sung vào những tháng cuối quý, chi lương tháng 13, chi thưởng năng suất chất lượng, thưởng các danh hiệu thi đua, giải quyết chế độ vào các ngày lễ tết, tổ chức tham quan nghỉ mát,...

- ÷ Xây dựng chế độ khen thưởng hợp lý cùng các chính sách chăm lo khác cho người lao động, nhằm làm đòn bẩy kích thích sự tích cực phát huy trình độ hoặc tay nghề.
- ÷ Luôn quan tâm đến công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện cho CB.CNV hoàn thành nhiệm vụ ngày càng tốt hơn và phù hợp với định hướng phát triển của công ty. Do đó, thường xuyên cử CB.CNV công ty đi học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: công tác xuất nhập khẩu, Lao động tiền lương, Kế toán Tài chính, thuế thu nhập,...
- ÷ Trong năm 2012, thu nhập của người lao động bình quân đạt hơn 8 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 18,84% so với năm 2011.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2012, công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thêm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng số tiền đầu tư là 12,66 tỷ đồng, cụ thể:

- ÷ Đầu tư xây dựng, sửa chữa với số tiền 11 tỷ đồng gồm các hạng mục chính như xây dựng mới xưởng sản xuất 416 m², nhà ăn phân xưởng bánh tráng, nhà rau củ, hệ thống xử lý nước thải sản xuất (100m³/ngày), trạm biến thế 750KvA, lò đốt than 5.000 kg/h, lò sấy bún,...
- ÷ Mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với số tiền 1,66 tỷ đồng gồm máy in date, máy lạnh, máy photocopy, xe tải 1,4 tấn,...

4. Tình hình tài chính

4.1 Tài sản, nguồn vốn

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2012	31/12/2011	2012 - 2011
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	126.483	127.976	- 1.493
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	102.327	105.638	- 3.311
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	24.156	22.338	1.818
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	126.483	127.976	- 1.493
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	43.737	50.416	- 6.679
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu Đồng	82.746	77.560	8.172

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
1	Khả năng thanh toán			

	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,35	2,11
	- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,28	1,40
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	34,58	39,39
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	52,86	65,00
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	10,16	12,60
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	4,27	3,96
4	Khả năng sinh lời			
	- Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	3,70	3,82
	- Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	24,13	24,97
	- Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	15,78	15,13
	- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,87	3,00

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- ÷ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.545.777 cổ phần
- ÷ Loại cổ phần đang lưu hành: phổ thông
- ÷ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.545.777 cổ phần
- ÷ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ	321	45.457,770	100,00
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu 5% trở lên)	03	33.729,22	74,20
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	318	11.728,55	25,80
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	29	32.949,61	72,48
- Cổ đông cá nhân	292	12.508,16	27,52
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	272	43.843,12	96,5
- Cổ đông nước ngoài	49	1.614,65	3,5

4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	01	23.317,21	51,29
- Cổ đông khác	320	22.140,56	48,71

(Nguồn: DSCĐ do TTLK cung cấp ngày 27/4/2012)

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012 Công ty không có tăng vốn

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

- ÷ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- ÷ Các giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: không có

5.5 Các chứng khoán khác

Năm 2012 Công ty không có phát hành các loại chứng khoán khác.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Đánh giá chung

Năm 2012, nền kinh tế xã hội Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như nợ xấu tăng, tồn kho cao, sức mua yếu,... Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải chịu nhiều tác động tiêu cực nhưng Safoco vẫn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra.

Stt	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	520.000	540.041
2	Sản lượng sản xuất/ tiêu thụ	Tấn	8.000	8.118
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.000	27.082

1.2 Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2012

- ÷ Sự đoàn kết thống nhất và ý chí vượt khó của toàn thể CB.CNV.LĐ trong Công ty ngày càng được nâng cao;
- ÷ Cơ sở hạ tầng nâng cao, nhà máy khang trang, máy móc thiết bị và trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng tay nghề của CB.CNV.LĐ đã đáp ứng nhu cầu về sản lượng và chất lượng;
- ÷ Môi trường làm việc thông thoáng, có nhà nghỉ giữa ca cho công nhân trong các phân xưởng.

2. Tình hình tài chính

Nhìn chung, tình hình tài chính Safoco trong năm 2012 lành mạnh, cơ cấu vốn khá an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

- ÷ Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 giảm hơn 1,4 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu là do công nợ khoản phải thu khách hàng.
- ÷ Tính đến 31/12/2012, Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi. Nợ phải trả còn 43,7 tỷ đồng, giảm 6,7 tỷ đồng so với đầu năm 2012.
- ÷ Vốn chủ sở hữu 31/12/2012 là 82,75 tỷ đồng, tăng 8,2 tỷ so với đầu năm, chủ yếu là do tăng các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ phân phối lợi nhuận.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Công tác sản xuất chế biến:

Trong năm 2012, Công ty đã sản xuất được 8.118 tấn sản phẩm, đạt 101,48% kế hoạch. Để sản phẩm Safoco luôn có sức cạnh tranh với các loại hàng cùng chủng loại, Công ty đã:

- ÷ Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ công tác cải tiến công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ phế phẩm trên dây chuyền. Mặt khác, thường xuyên rà soát lại các định mức nguyên liệu cho phù hợp với từng thời điểm, sao cho hiệu quả cuối cùng được cao nhất.
- ÷ Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng từ nguyên phụ liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng đưa ra thị trường. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho, trong quá trình lưu kho, đảm bảo sản phẩm lưu thông trên thị trường là sản phẩm có chất lượng cao, an toàn VSTP, theo đúng cam kết trong Chính sách chất lượng của Công ty là “Luôn tôn trọng sức khỏe của người tiêu dùng”.
- ÷ Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn HACCP. Luôn quan tâm cải tiến kỹ thuật chế biến sản phẩm và tuyệt đối không dùng phẩm màu, hàn the hoặc hóa chất độc hại trong quy trình sản xuất.
- ÷ Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất bún tươi để nâng cao sản lượng phục vụ cho nhu cầu thị trường và cũng cho ra 03 sản phẩm nui mới có chất lượng cao cấp hơn, được người tiêu dùng ưa chuộng.

1.2 Công tác kinh doanh

a. Kinh doanh sản phẩm Safoco

Thị trường nội địa:

Từ năm 2010 đến nay, với chiến lược “Tập trung phát triển thị trường nội địa” của Hội đồng quản trị, Safoco đã đạt được kết quả khả quan là: sản lượng tiêu thụ nội địa chiếm tỷ trọng gần bằng 90% tổng sản lượng bán ra và đã bù đắp một phần sản lượng không nhỏ cho thị trường xuất khẩu trong giai đoạn khó khăn nhất. Các giải pháp thực hiện:

- ÷ Đối với hệ thống 3 kênh phân phối sản phẩm truyền thống là Đại lý, Siêu thị và khách hàng tự do, Công ty đã áp dụng hàng loạt các biện pháp như: tăng cường khuyến trương thương hiệu, quảng bá sản phẩm, nghiên cứu cho ra sản phẩm mới, chính sách đối với khách hàng. Cụ thể như sau:
 - Hệ thống các Siêu thị: áp dụng chính sách hoa hồng thích hợp; đàm phán để sản phẩm của Safoco được trưng bày tại những vị trí tốt để người tiêu dùng dễ nhận ra.

Ngoài ra, Công ty còn tăng cường nhân viên đến hỗ trợ các siêu thị vào những ngày nghỉ, ngày lễ tết nhằm cung cấp đầy đủ hàng hóa phục vụ người tiêu dùng,...

- Hệ thống Đại lý: áp dụng tỷ lệ chiết khấu thêm để khuyến khích khi đạt sản lượng, hỗ trợ chi phí vận chuyên. Đặc biệt, tăng cường nhân viên tiếp thị để hỗ trợ đại lý mở rộng mạng lưới bán hàng tại các vùng sâu vùng xa, đưa sản phẩm phủ kín các khu vực còn bỏ ngõ.
 - Kênh phân phối khác: áp dụng nhiều phương thức bán hàng đa dạng và linh hoạt như: bán hàng qua mạng, điện thoại; giao hàng tận nơi, giá bán hợp lý; có chương trình khuyến mại theo từng thời điểm,... nhằm đẩy mạnh bán ra.
- ÷ Đối với các Chi nhánh, điểm bán của đơn vị, Công ty áp dụng thưởng theo mức đạt chỉ tiêu kế hoạch để khuyến khích bán ra. Nhờ đó, các Chi nhánh, điểm bán của Công ty đều tích cực phấn đấu để đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao, đặc biệt Chi nhánh Hà Nội mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng sản lượng bán ra vẫn đạt trên 350 tấn/năm cũng góp phần làm tăng sản lượng tiêu thụ trên thị trường nội địa.

Như vậy, với mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của công ty đã được phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước với hơn 900 nhà phân phối đại lý, siêu thị, gian hàng tổng hợp, các điểm bán, các cửa hàng tiện ích, nên:

Sản lượng tiêu thụ nội địa năm 2012 đạt 6.889 tấn, chiếm tỷ lệ 87,58% trên tổng sản lượng bán ra, tăng 163 tấn so với năm 2011 là 6.726 tấn.

Thực sự con số gần 90% sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa trên tổng sản lượng bán ra có ý nghĩa rất lớn: Uy tín thương hiệu sản phẩm Safoco ngày càng được lòng tin của cộng đồng người tiêu dùng trong nước, đã ủng hộ sử dụng các sản phẩm mang nhãn hiệu của Safoco cho dù tình hình kinh tế ngày càng khó khăn, phải thắt chặt chi tiêu.

Đồng thời, với uy tín sản phẩm qua niềm tin của cộng đồng người tiêu dùng trong nước, đã góp phần giúp cho Công ty cổ phần Safoco hoàn thành trách nhiệm của doanh nghiệp trước cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” do Bộ Chính trị phát động vào tháng 8/2009.

Thị trường xuất khẩu:

Chiếm khoảng hơn 10% sản lượng bán ra với các khách hàng truyền thống tại các quốc gia Đông Âu, Nga, Nhật,... Trong năm vừa qua, mặc dù tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt là các nước xuất khẩu của công ty vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn duy trì được doanh số xuất khẩu là 38,274 tỷ đồng.

b. Kinh doanh thương nghiệp

Đối với các gian hàng tổng hợp và mua bán vật liệu xây dựng, Công ty tiếp tục đề ra nhiều biện pháp để tăng doanh thu và lợi nhuận như: mua hàng tận gốc bán tận ngọn, hàng hóa đảm bảo chất lượng (chú trọng đến các loại hàng Việt Nam chất lượng cao); giá bán ra có sức cạnh tranh, giao hàng tận nơi và kịp thời,...

Đối với Nhà hàng Hoa viên Nam bộ, bên cạnh việc nâng cao chất lượng phục vụ (văn minh - lịch sự), Công ty còn đặc biệt quan tâm đến an toàn VSTP của thực phẩm đưa vào chế biến. Nhờ đó, loại hình kinh doanh thương nghiệp cũng góp phần tăng thêm hiệu quả cho Công ty.

Doanh thu kinh doanh thương nghiệp năm 2012 đạt 252,9 tỷ đồng, tăng 2,92% so với năm 2011.

1.3 Công tác tài chính kế toán

Trong năm 2012, Công ty duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, khả năng thanh toán cao, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước. Cụ thể như sau:

- ÷ Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ tránh thất thoát, chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh, Kiểm soát chi phí nhằm hạn chế trường hợp vượt định mức phí đã quy định.
- ÷ Tăng cường kiểm soát công nợ phải thu của khách hàng, không để phát sinh công nợ khó đòi, vòng vốn quay nhanh, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

Qua đó, Báo cáo Tài chính năm 2012 đã được Công ty Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán và đánh giá: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

1.4 Nhiệm vụ Công ty đại chúng niêm yết

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco hoàn thành nhiệm vụ của Công ty đại chúng niêm yết, cụ thể là:

- ÷ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thành công.
- ÷ Thực hiện công bố thông tin kịp thời theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website công ty, gồm: Báo cáo Tài chính kế toán hàng quý/bán niên/năm; Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng/năm; Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên,...
- ÷ Nội dung công bố thông tin luôn đảm bảo tính chính xác, công khai - minh bạch.

1.5 Công tác xã hội

Công ty luôn xác định sự phát triển của doanh nghiệp sẽ gắn liền trách nhiệm tham gia vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Chính vì thế, hoạt động xã hội từ thiện trong Công ty luôn được CB.CNV.LĐ cùng cổ đông ủng hộ để cùng với doanh nghiệp thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; “Lá lành đùm lá rách – Tinh thần tương thân tương trợ”. Trong năm 2012, Công ty, người lao động và nhà đầu tư cũng tham gia ủng hộ hơn 800 triệu đồng cho công tác từ thiện. Cụ thể:

Công ty đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Ủy ban mặt trận Tp.HCM; Ủy ban nhân dân phường Linh Tây, Quận Thủ Đức; Ủy ban nhân dân phường 7 Quận 6; Ủy ban nhân dân Quận 9 Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm - Sở Y tế Tp.HCM, đến thăm hỗ trợ tiền và tặng quà bằng các sản phẩm Safoco cho các gia đình khó khăn, gia đình chính sách, Trung tâm dưỡng lão, Trung tâm nuôi dưỡng người già, tàn tật. Đồng thời, xây dựng 01 nhà tình nghĩa tại tỉnh Tây Ninh và 03 nhà tình thương tại tỉnh Long An, quận Thủ Đức.

1.6 Công tác PCCC, Bảo vệ môi trường, An toàn lao động

- ÷ Công ty đã ký hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mở rộng mọi rủi ro tài sản, phần tổn thất vật chất với Công ty TNHH Bảo Hiểm Tổng Hợp Groupama Việt Nam. Đồng thời, tổ chức cho CB.CNV.LĐ thực hành tốt công tác phòng cháy chữa cháy, trang bị đầy đủ các phương tiện & dụng cụ theo yêu cầu của công tác PCCC như: xây dựng phương án PCCC, mua máy bơm chữa cháy, động cơ điện và lắp đặt cầu dao điện cho từng khu vực.
- ÷ Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành quy định không hút thuốc lá trong cơ quan để đảm bảo sức khỏe cho người lao động và an toàn PCCC trong cơ quan.
- ÷ Tiếp tục định hướng đầu tư và cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường như nâng cấp các hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại B với công suất 100m³/ngày .
- ÷ Duy trì nâng cao chất lượng các hình thức tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện an toàn cho người lao động về ATLĐ-VSLĐ-PCCN; tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát chặt chẽ tại các phân xưởng sản xuất, các kho.

Nhờ đó, trong năm 2012 Công ty không có xảy ra tai nạn lao động hoặc sự cố cháy nổ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức công tác kiểm tra, giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác một cách chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; dự án đầu tư; quản trị tài chính, quản trị nhân sự,... đảm bảo an toàn hoạt động và hạn chế rủi ro đối với công ty. Cụ thể:

- ÷ Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng.
- ÷ Thực hiện quy định về công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng thời hạn như: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm và Báo cáo thường niên 2011; Báo cáo tài chính quý 1, Báo cáo tài chính bán niên năm 2012, Báo cáo tài chính 9 tháng; Báo cáo quản trị công ty,...
- ÷ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2012 đúng quy định của pháp luật vào ngày 06/04/2012. Đồng thời, thực hiện tốt việc chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt, tỷ lệ là 25% tương ứng với mức cổ tức 2.500 đồng/cổ phiếu.
- ÷ Giám sát, kiểm tra chặt chẽ về tình hình tài chính, nhờ đó đảm bảo an toàn trong hoạt động SXKD, nguồn vốn sử dụng đúng mục đích.
- ÷ Giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế công ty, thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra các sai phạm trong công tác, tác nghiệp có thể gây thiệt hại về mặt vật chất cho công ty.
- ÷ Công ty đã bàn giao mặt bằng cho dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Vành Đai ngoài - Bình Lợi vào tháng 4/2012;
- ÷ Hoàn tất công tác đầu tư mua sắm xây dựng cơ bản trong năm 2012, nên đã hỗ trợ rất lớn cho hoạt động SXKD của Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Xét về trung và dài hạn thì kinh tế vĩ mô Việt Nam vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, khó lường. Năm 2013, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều thách thức, trong đó nổi bật là các giải pháp nhằm giải quyết nợ xấu và thúc đẩy tăng trưởng. Cùng với đó, lạm phát sẽ vẫn được ưu tiên kiểm soát nhằm ổn định kinh tế vĩ mô.

Những khó khăn trên có thể gây ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển của Safoco. Tuy nhiên, Công ty sẽ không ngừng tìm kiếm những giải pháp thích hợp để hoàn thành mục tiêu đề ra, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

3.1 Mục tiêu

- ÷ Củng cố và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Phần đầu doanh thu và sản lượng năm sau cao hơn năm trước.
- ÷ Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, khai thác tối đa các lợi thế của sản phẩm để giữ vững và mở rộng thị phần gia tăng sản lượng;
- ÷ Tiếp tục khẳng định thương hiệu Safoco mạnh mẽ ở trong nước và quốc tế.
- ÷ Hoàn thành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.
- ÷ Đảm bảo người lao động có việc làm, đời sống được nâng cao, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.
- ÷ Quyền lợi cổ đông được đảm bảo phát triển và có chiều sâu.
- ÷ Nâng cao công tác quản trị, điều hành công ty.
- ÷ Luôn thực hành tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Đồng thời, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ hoặc kỹ năng tay nghề cho phù hợp với mục tiêu phát triển Công ty theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa

3.2 Kế hoạch kinh doanh 2013

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013
1	Sản lượng sản xuất/ tiêu thụ	Tấn	8.100
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	550.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.000
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	22,500
5	Thu nhập bình quân/tháng	Triệu đồng/người	8,300
4	Cổ tức	%	27 (*)

(*) : cổ tức dự kiến

3.3 Giải pháp thực hiện

a. Công tác tổ chức, điều hành

- ÷ Hoàn thiện công tác quản trị nhân sự, tổ chức bộ máy.

- ÷ Tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp từ thái độ làm việc đến giao tiếp, ứng xử và chấp hành các quy chế, chính sách, nội quy Công ty.
- ÷ Tăng cường công tác cập nhật các cơ chế, chính sách tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD, đặc biệt là các chế độ chính sách mới ban hành và sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

b. Công tác sản xuất kinh doanh

- ÷ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và HACCP, song hành với việc nghiên cứu đổi mới quy trình công nghệ sản xuất, từng bước nâng cao chất lượng và sản lượng, đa dạng hóa sản phẩm và mẫu mã bao bì.
- ÷ Tiếp tục phát động phong trào thực hành tiết kiệm và hợp lý hóa quy trình sản xuất để giảm tỉ lệ vật tư tiêu hao, giảm tỉ lệ phế phẩm và giảm giá thành.
- ÷ Đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ nhu cầu nghiên cứu chế thử sản phẩm mới, cải tiến kỹ thuật.
- ÷ Giữ vững khách hàng truyền thống. Tăng cường chương trình tiếp xúc thương mại với các đối tác nước ngoài thông qua các cuộc tham gia hội chợ quốc tế, tham quan khảo sát,... để tìm thêm các khách hàng mới, nhằm đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm mang thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài.
- ÷ Mở rộng thị trường, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, công tác quảng bá thương hiệu. Đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả. Đồng thời, xử lý các trường hợp tiêu cực (nếu có) gây khó khăn cho khách hàng.
- ÷ Đối với các loại hình kinh doanh khác như: ăn uống, mua bán vật liệu xây dựng, hàng công nghệ phẩm cần phải cải tiến phương pháp kinh doanh, mua hàng tận gốc, bán ra giá rẻ và khai thác thêm khách hàng tiêu thụ để luân chuyển quay nhanh vòng vốn và tối đa hóa lợi nhuận góp phần vào việc phát triển của Công ty.

c. Công tác tài chính kế toán

- ÷ Tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích.
- ÷ Duy trì cơ cấu vốn hợp lý. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- ÷ Tăng cường công tác giám sát, quản trị tài chính. Quản lý tốt công nợ, hàng tồn kho.
- ÷ Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- ÷ Thực hành tiết kiệm trong chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- ÷ Duy trì báo cáo tài chính định kỳ quý năm kịp thời, công khai minh bạch để giúp các nhà đầu tư nắm bắt được các thông tin chính xác.

d. Công tác đầu tư XD CB

- ÷ Hoàn thiện và nhanh chóng đưa khu vực nhà xưởng mới xây dựng, sửa chữa nâng cấp vào sản xuất. Khẩn trương lắp đặt máy móc thiết bị, các dây chuyền sản xuất để khai thác hiệu quả nhà xưởng mới đầu tư.

÷ Xem xét đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất để gia tăng sản lượng, và nâng cao năng lực cạnh tranh.

e. Công tác nhân sự

÷ Quan tâm, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần của CB.CNV.LĐ. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ lao động cũng như thu hút lao động.

÷ Tiếp tục sắp xếp, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý. Lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

f. Công tác Đảng, Đoàn thể

÷ Tiếp tục xây dựng Chi bộ là một tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, phát triển thêm đảng viên.

÷ Công đoàn phối hợp với Ban lãnh đạo công ty làm tốt công tác chăm lo đời sống cho người lao động.

÷ Kêu gọi CB.CNV đoàn kết, hỗ trợ nhau trong công việc, quyết tâm hoàn thành kế hoạch chung của đơn vị.

g. Công tác xã hội, từ thiện

Thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội, Công ty tiếp tục vận động người lao động, nhà đầu tư duy trì các hoạt động xã hội có ý nghĩa như: xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa; chăm lo cho người nghèo, gia đình thương binh liệt sỹ; đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa; ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số tt	Họ & tên	Năm sinh	Chức danh	Tổng số CP sở hữu/ ĐD tổ chức	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Nam	1964	Chủ tịch	909.155	20,00	Từ 06/04/2012
2	Phạm Thị Thu Hồng	1957	Thành viên	487.747	10,73	
3	Nguyễn Tuấn Bao	1952	Thành viên	0		Đến 06/04/2012
4	Huỳnh Anh Minh	1961	Thành viên	454.578	10,00	
5	Trần Đăng Minh	1951	Thành viên	0		Đến 06/04/2012
6	Phạm Văn Tô	1957	Thành viên	513.218	11,29	Từ 06/04/2012
7	Nguyễn Thị Nga	1959	Thành viên	39.210	0,86	

(Nguồn: từ hệ thống CIMS của HNX)

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:

÷ Ông Nguyễn Ngọc Nam: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm; Công ty Cổ phần Nam Trung Bộ, Công ty cổ phần vận tải Hoa Sen và công ty TNHH Du lịch Hàm Luông;

- ÷ Ông Phạm Văn Tô: thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm; và Công ty Cổ phần Nam Trung Bộ.

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp, và đã ban hành 05 nghị quyết để triển khai các mặt hoạt động của công ty. Các công tác trọng tâm Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm 2012:

- ÷ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.
- ÷ Thông qua chủ trương đầu tư, và chỉ đạo tiếp tục thực hiện các hạng mục xây dựng cơ bản còn lại trong năm 2012.
- ÷ Thông qua Báo cáo soát xét Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty do Công ty Dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán (AASC) thực hiện.
- ÷ Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2012, và định hướng 6 tháng cuối năm 2012.
- ÷ Thay đổi chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.
- ÷ Giao Tổng giám đốc khẩn trương theo dõi và làm việc trực tiếp với Tổng cục thuế để giải quyết sớm việc xin không truy thu thuế TNDN năm 2010.
- ÷ Phê duyệt Kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2013, với tổng giá trị là 21 tỷ 830 triệu đồng gồm 10 hạng mục đầu tư mua sắm và 01 Xây dựng cơ bản.
- ÷ Phê duyệt các chỉ tiêu cơ bản của năm 2013: Doanh thu: 550 tỷ đồng; Sản lượng bán ra: 8.100 tấn; Lợi nhuận trước thuế: 25 tỷ đồng.
- ÷ Sửa đổi lại Điều lệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính, để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

Nhìn chung, trong bối cảnh năm 2012 đầy khó khăn thách thức, Hội đồng quản trị công ty đã tập trung giám sát, chỉ đạo và đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của công ty.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- ÷ Ông Nguyễn Ngọc Nam: Chủ tịch HĐQT, phụ trách chiến lược, quản trị chung và công tác tổ chức cán bộ.
- ÷ Ông Phạm Văn Tô: Thành viên HĐQT, phụ trách công tác Đầu tư xây dựng cơ bản.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách thành viên tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Số tt	Họ & tên	Năm sinh	Chức danh	Tổng Số CP sở hữu/ ĐD tổ chức	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Võ Trường Hùng	1977	Trưởng BKS	0		Đến 06/04/2012
2	Trần Hoàng Ngân	1982	Trưởng BKS	454.578	10,00	Từ 06/04/2012
3	Phạm Thanh Loan	1963	Thành viên BKS	3.420	0,075	
4	Trần Hoàng Thao	1960	nt	3.527	0,078	

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty, trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đầy đủ các buổi kiểm phiếu biểu quyết về việc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua các Tờ trình của Ban điều hành. Ban kiểm soát đã tổ chức tổng cộng 05 cuộc họp để triển khai và thực hiện các công việc nêu trên, cụ thể như sau:

- ÷ Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB của Công ty.
- ÷ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của Công ty.
- ÷ Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.
- ÷ Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý trong năm, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

a. HĐQT:

Stt	Họ & tên	Chức vụ	ĐVT	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Nam *	Chủ tịch HĐQT	1.000 đ	62.500	
2	Phạm Thị Thu Hồng	TV HĐQT	nt	86.000	
3	Nguyễn Tuấn Bao **	TV HĐQT	nt	19.500	
4	Huỳnh Anh Minh	TV HĐQT	nt	78.000	
5	Trần Đăng Minh **	TV HĐQT	nt	19.500	
6	Phạm Văn Tô *	TV HĐQT	nt	58.500	
7	Nguyễn Thị Nga	TV HĐQT	nt	78.000	

b. Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng:

Stt	Họ & tên	Chức vụ	ĐVT	Lương	Thưởng	Cộng
1	Phạm Thị Thu Hồng	Tổng Giám đốc	1.000 đ	453.978	476.260	930.238
2	Nguyễn Tuấn Bao **	Phó Tổng Giám đốc	nt	383.640	370.210	753.850
3	Huỳnh Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	nt	402.497	335.890	738.387
4	Nguyễn Thị Nga	Kế Toán trưởng	nt	287.863	218.650	506.513

c. Ban kiểm soát

Stt	Họ & tên	Chức vụ	ĐVT	Thù lao	Ghi chú
1	Trần Hoàng Ngân *	Trưởng BKS	1.000 đ	58.500	
2	Võ Trường Hùng **	Trưởng BKS	nt	19.500	
3	Phạm Thanh Loan	Thành viên BKS	nt	54.000	
4	Trần Hoàng Thao	Thành viên BKS	nt	54.000	

Ghi chú:

÷ (*): đã được bầu bổ sung từ ngày 06/04/2012.

÷ (**): đã miễn nhiệm từ ngày 06/04/2012.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

(HDQT, BKS, Ban TGD, KTT, Cán bộ quản lý, Thư ký công ty, Cổ đông lớn, và những người liên quan đến các đối tượng này)

Stt	Họ và tên (chức vụ; mối quan hệ)	Tại thời điểm 01/01/2012 (số lượng cp – tỷ lệ)	Tại thời điểm 31/12/2012 (số lượng cp – tỷ lệ)	Lý do thay đổi
1	Phạm Thị Thu Hồng (thành viên HDQT - TGD)	125.647 – 2,76%	487.747 – 10,73%	Mua thêm 362.100 cp để tăng tỉ lệ nắm giữ
2	Nguyễn Tuấn Bao (thành viên HDQT-PTGD)	115.432 – 2,54%	0 – 0,0%	Thực vụ nhu cầu tài chính cá nhân
3	Huỳnh Anh Minh (thành viên HDQT-PTGD)	92.400 – 2,03%	0 – 0,0%	Thực vụ nhu cầu tài chính cá nhân
4	Phạm Thị Thu Minh (Em Bà Phạm Thị Thu Hồng-Tổng Giám đốc)	28.907 – 0,64%	5.945 – 0,13%	Thực vụ nhu cầu tài chính cá nhân
5	Phạm Thanh Loan (thành viên BKS)	15.120 – 0,33%	3.420 – 0,08%	Thực vụ nhu cầu tài chính cá nhân
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt (cổ đông lớn)	790.492 – 17,39%	0 – 0,0%	Cơ cấu lại danh mục đầu tư

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 03 /2013/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được lập ngày 15 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Chứng chỉ KTV số: 1623/KTV

HÀNG
G
EM
T
H
M
HÀ
TP

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 tại Phụ lục đính kèm

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013
**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		102.326.884.571	105.637.816.971
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.003.972.653	27.849.076.138
111	1. Tiền		11.003.972.653	11.814.076.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	16.035.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.779.393.425	41.910.898.151
131	1. Phải thu của khách hàng		39.487.393.607	41.605.006.873
132	2. Trả trước cho người bán		164.525.000	166.425.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	127.474.818	139.466.278
140	IV. Hàng tồn kho	5	46.400.708.993	35.721.443.137
141	1. Hàng tồn kho		46.400.708.993	35.721.443.137
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		142.809.500	156.399.545
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	142.809.500	156.399.545
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.155.758.126	22.338.229.379
220	II. Tài sản cố định		24.114.608.126	22.297.369.379
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	24.114.608.126	22.210.530.979
222	- Nguyên giá		78.046.025.135	66.160.619.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.931.417.009)	(43.950.088.041)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	-	86.838.400
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	2.150.000	1.860.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.150.000	1.860.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		39.000.000	39.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		39.000.000	39.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		126.482.642.697	127.976.046.350

HỒ SƠ
 CÔNG TY
 LƯƠNG THỰC
 THỰC PHẨM
 SAFOCO
 TÀI CHÍNH
 HỒ SƠ

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		43.737.043.427	50.416.018.078
310	I. Nợ ngắn hạn		43.526.584.168	50.049.199.877
312	2. Phải trả người bán		18.015.394.011	25.324.015.849
313	3. Người mua trả tiền trước		269.557.489	444.231.854
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	3.177.515.853	1.984.558.219
315	5. Phải trả người lao động		16.097.478.318	15.873.625.820
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	3.068.717.712	4.501.669.280
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.897.920.785	1.921.098.855
330	II. Nợ dài hạn		210.459.259	366.818.201
333	3. Phải trả dài hạn khác		179.559.259	179.559.259
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	187.258.942
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		30.900.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.745.599.270	77.560.028.272
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	82.745.599.270	77.560.028.272
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.457.770.000	45.457.770.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.839.000	21.839.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.179.743.362	6.179.743.362
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(44.997.022)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.964.687.461	3.744.130.353
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.416.024.375	2.566.825.875
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.705.535.072	19.634.716.704
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		126.482.642.697	127.976.046.350

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		24.564,59	39.603,59



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng
Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013




Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cận, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	540.144.576.475	506.781.030.377
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14	102.638.924	103.349.383
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	540.041.937.551	506.677.680.994
11	4. Giá vốn hàng bán	16	471.459.057.772	450.189.783.510
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.582.879.779	56.487.897.484
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	2.752.549.216	3.214.832.895
22	7. Chi phí tài chính	18	90.516.625	191.714.127
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng	19	29.444.624.738	22.996.427.759
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	16.500.253.247	14.881.019.960
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		25.300.034.385	21.633.568.533
31	11. Thu nhập khác	21	1.842.575.144	1.128.861.767
32	12. Chi phí khác	22	60.610.163	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.781.964.981	1.128.861.767
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.081.999.366	22.762.430.300
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	7.117.624.411	3.395.338.706
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.964.374.955	19.367.091.594
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	4.392	4.260



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng
Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013




Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cận, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		573.474.442.157	533.326.359.054
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(497.025.218.526)	(456.101.110.810)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(54.135.989.944)	(44.276.443.913)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.302.346.990)	(3.272.079.813)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.184.128.705	2.519.655.091
-	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.945.505.539)	(17.241.747.647)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.249.509.863	14.954.631.962
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.469.597.833)	(9.751.736.226)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		66.236.364	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(290.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.672.792.812	2.703.968.292
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.730.858.657)	(7.047.767.934)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.364.442.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.364.442.500)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(11.845.791.294)	7.906.864.028
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.849.076.138	19.941.222.020
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		687.809	990.090
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		16.003.972.653	27.849.076.138



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng
Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco được chuyển đổi từ Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn về việc “Chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Lương thực – Thực phẩm Safoco thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế Safoco Foodstuff Joint Stock Company, viết tắt là SAFOCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103003305 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và thay đổi lần thứ tám ngày 05/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty: 7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.457.770.000 đồng; tương đương 4.545.777 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Nhà hàng Hoa Viên Nam Bộ	49/1 Hòa Bình, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh ăn uống
Cửa hàng kinh doanh tổng hợp Lương thực chế biến	482 Cách mạng tháng Tám, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng công nghệ phẩm
Nhà máy sản xuất Mì nui - Cửa hàng Tổng hợp chế biến lương thực thực phẩm	7/13-7/25 Kha Vạn Cân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì nui
Kho dự trữ và phân phối hàng hóa	1614 Võ Văn Kiệt, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	Tổng kho dự trữ hàng
Nhà máy sản xuất mì sợi, bún, nui, bánh tráng	224 Tô Ký, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì nui, bánh tráng,
Cửa hàng kinh doanh tổng hợp Lương thực chế biến	210 Bà Hạt, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng công nghệ phẩm
Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng	198-200 Lý Thường Kiệt, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng vật liệu xây dựng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Cụm dân cư Linh Đàm, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Bán hàng lương thực, thực phẩm
Cửa hàng kinh doanh tổng hợp	02 Trần Quang Khải, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Bán hàng công nghệ phẩm

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, các loại từ tinh bột, bột mì;
- Chế biến các mặt hàng lương thực – thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở);
- Mua bán các mặt hàng lương thực – thực phẩm; công nghệ phẩm; nông-thủy-hải sản; vải sợi, quần áo; hàng kim khí, điện máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng; mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da; văn phòng phẩm; hàng sành sứ, thủy tinh; các loại nước uống nhanh; hàng tươi sống; nhựa gia dụng; rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

- Sản xuất bánh trắng;
- Mua bán vật tư xây dựng;
- Cho thuê nhà xưởng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất đồ trang trí nội thất (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí và sản xuất hàng gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

TP. HCM
31/12/2012
U VI
K T
H T O
H A M P
TP. HCM

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco

Báo cáo tài chính

7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

+ Đối với gạo, bột mì, nguyên vật liệu: theo giá thực tế đích danh

+ Đối với hàng hóa, hàng công nghệ phẩm: theo giá bình quân gia quyền

+ Đối với thành phẩm: mì sợi, nui, bún khô, bún tươi, bánh tráng: được xác định theo giá nhập sau xuất trước

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp các chi phí thực tế phát sinh chưa kết chuyển vào giá trị thành phẩm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2.11 .Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

VI
 H NH
 O NG
 KH
 H VU
 CH
 K T
 TP. H

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.195.533.800	3.784.966.800
Tiền gửi ngân hàng	6.808.438.853	8.029.109.338
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	5.000.000.000	16.035.000.000
	16.003.972.653	27.849.076.138

(1) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 9%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	6.492.435	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	30.422.900	139.466.278
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân của CBCNV	90.559.483	-
	127.474.818	139.466.278

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.285.149.005	6.962.524.377
Công cụ, dụng cụ	180.762.774	138.629.077
Thành phẩm	29.983.966.875	23.589.216.081
Hàng hoá	11.950.830.339	5.031.073.602
	46.400.708.993	35.721.443.137

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản phân bổ	131.807.000	104.000.000
Chi phí in hóa đơn phân bổ	-	33.750.000
Chi phí bảo hiểm xe	-	11.849.545
Chi phí trả trước chưa phân bổ khác	11.002.500	6.800.000
	142.809.500	156.399.545

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cận, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.708.641.804	19.334.158.889	5.761.821.480	324.798.247	31.198.600	66.160.619.020
Số tăng trong năm	9.263.603.441	2.721.926.176	293.171.454	91.307.363	-	12.370.008.434
- Mua trong năm	-	2.721.926.176	293.171.454	91.307.363	-	3.106.404.993
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	9.263.603.441	-	-	-	-	9.263.603.441
Số giảm trong năm	-	(431.225.148)	-	(53.377.171)	-	(484.602.319)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(431.225.148)	-	(53.377.171)	-	(484.602.319)
Số dư cuối năm	49.972.245.245	21.624.859.917	6.054.992.934	362.728.439	31.198.600	78.046.025.135
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.327.813.284	16.654.371.731	4.693.192.875	243.511.551	31.198.600	43.950.088.041
Số tăng trong năm	8.259.000.209	1.268.127.171	880.554.905	58.249.002	-	10.465.931.287
- Khấu hao trong năm	8.259.000.209	1.268.127.171	880.554.905	58.249.002	-	10.465.931.287
Số giảm trong năm	-	(431.225.148)	-	(53.377.171)	-	(484.602.319)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(431.225.148)	-	(53.377.171)	-	(484.602.319)
Số dư cuối năm	30.586.813.493	17.491.273.754	5.573.747.780	248.383.382	31.198.600	53.931.417.009
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	18.380.828.520	2.679.787.158	1.068.628.605	81.286.696	-	22.210.530.979
Tại ngày cuối năm	19.385.431.752	4.133.586.163	481.245.154	114.345.057	-	24.114.608.126

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.372.801.784

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	86.838.400
- Dự án xưởng bánh trắng Tô Ký	-	86.838.400
	<u>-</u>	<u>86.838.400</u>

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	2.150.000	1.860.000
Cổ phiếu Ngân hàng CPTM Sài Gòn Công Thương (*)	2.150.000	1.860.000
	<u>2.150.000</u>	<u>1.860.000</u>

(*) Khoản cổ phiếu lẻ bao gồm 219 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, trong năm công ty có nhận được thêm 4 cổ phiếu do chia cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm 29 cổ phiếu với giá 290.000 VND

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	377.567.193	504.779.703
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.632.830.381	956.591.482
Thuế Thu nhập cá nhân	166.578.279	522.647.034
Các loại thuế khác	540.000	540.000
	<u>3.177.515.853</u>	<u>1.984.558.219</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	243.544.319	44.940.000
Bảo hiểm xã hội	-	90.000
Phải trả tiền ký quỹ thuê kios	402.365.000	139.000.000
Phải trả tiền chiết khấu bán hàng	2.396.021.100	4.143.621.236
Phải trả tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng	-	35.852.700
Phải trả, phải nộp khác	26.787.293	138.165.344
	<u>3.068.717.712</u>	<u>4.501.669.280</u>

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Van Cạn, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.306.720.000	40.239.000	6.179.743.362	(50.590.950)	6.591.290.090	1.890.121.029	15.392.388.462	60.349.910.993
Tăng vốn trong năm trước	15.151.050.000	-	-	-	(6.060.230.000)	-	-	9.090.820.000
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	19.367.091.594	19.367.091.594
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.213.070.263	676.704.846	(15.124.763.352)	(11.234.988.243)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	50.590.950	-	-	-	50.590.950
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(18.400.000)	-	-	-	-	-	(18.400.000)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	(44.997.022)	-	-	-	(44.997.022)
Số dư cuối năm trước	45.457.770.000	21.839.000	6.179.743.362	(44.997.022)	3.744.130.353	2.566.825.875	19.634.716.704	77.560.028.272
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	19.964.374.955	19.964.374.955
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	1.698.397.001	849.198.500	(4.930.717.086)	(2.383.121.585)
Chi trả cổ tức năm trước (2)	-	-	-	-	-	-	(11.364.442.500)	(11.364.442.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	44.997.022	-	-	-	44.997.022
Thuế TNDN được giảm	-	-	-	-	2.383.121.585	-	-	2.383.121.585
Trích quỹ khen thưởng, PL (1)	-	-	-	-	-	-	(1.698.397.001)	(1.698.397.001)
Nộp bổ sung thuế TNDN do không được miễn giảm (3)	-	-	-	-	(860.961.478)	-	-	(860.961.478)
Chi thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chi ủng hộ vì người nghèo và xây nhà tình thương	-	-	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối năm nay	45.457.770.000	21.839.000	6.179.743.362	-	6.964.687.461	3.416.024.375	20.705.535.072	82.745.599.270

(1) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 trong kỳ theo Nghị quyết số 01/SAF/NQ-ĐHCĐ của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 06/04/2012.

(2) Công ty thực hiện trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 bằng tiền mặt (bằng 25 % vốn điều lệ) theo Nghị quyết số 01/SAF/NQ-ĐHCĐ của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 06/04/2012.

(3) Trước đây Công ty đã tăng quỹ Đầu tư và Phát triển đối với khoản thuế TNDN được ưu đãi khi Cổ phần hóa và niêm yết trên sàn chứng khoán. Căn cứ Công văn số 2135/QĐ-TCT ngày 24/12/2012 của Tổng Cục Thuế về việc xác định số thuế TNDN được miễn giảm trong thời kỳ từ 2008 - 2011 do niêm yết và cổ phần hóa, theo đó công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm 2008 và 2009; không được miễn giảm 50% số thuế TNDN trong năm 2010 và 2011. Số thuế TNDN cần nộp bổ sung sau khi xác định lại số thuế TNDN được ưu đãi theo CV nêu trên là 860.961.478 VND, nguồn nộp được trích từ Quỹ DTPT.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	23.318.110.000	51,30%	23.318.110.000	51,30%
Vốn góp của cổ đông khác	22.139.660.000	48,70%	22.139.660.000	48,70%
	45.457.770.000	100%	45.457.770.000	100%



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.457.770.000	45.457.770.000
- Vốn góp đầu năm	45.457.770.000	30.306.720.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	15.151.050.000
- Vốn góp cuối năm	45.457.770.000	45.457.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.364.442.500	9.092.016.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.364.442.500	9.092.016.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	25%	25%

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.545.777	4.545.777
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.545.777	4.545.777
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.777	4.545.777
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.777	4.545.777
- Cổ phiếu phổ thông	4.545.777	4.545.777
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.964.687.461	3.744.130.353
Quỹ dự phòng tài chính	3.416.024.375	2.566.825.875
	10.380.711.836	6.310.956.228

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	540.141.603.091	506.774.868.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.973.384	6.162.017
	540.144.576.475	506.781.030.377

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

14 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	102.638.924	103.349.383
	102.638.924	103.349.383

15 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	540.038.964.167	506.671.518.977
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.973.384	6.162.017
	540.041.937.551	506.677.680.994

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	471.459.057.772	450.189.783.510
	471.459.057.772	450.189.783.510

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.563.641.292	2.794.945.681
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.142	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	188.799.782	419.887.214
	2.752.549.216	3.214.832.895

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	84.977.906	191.714.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.538.719	-
	90.516.625	191.714.127

SỰ
 TH
 TỶ
 HỮU HẠI
 S. V. AN
 T. TOA
 H. H. H.
 HỒ CHÍ

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	504.931.166	895.117.443
Chi phí nhân công	982.790.252	898.084.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.039.900	146.395.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.329.190.674	6.601.466.848
Chi phí khác bằng tiền	19.582.672.746	14.455.364.214
	29.444.624.738	22.996.427.759

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.254.312.611	907.543.568
Chi phí nhân công	12.671.955.206	11.297.571.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.400.518	41.201.570
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.831.361	690.092.490
Chi phí khác bằng tiền	1.894.753.551	1.941.610.649
	16.500.253.247	14.881.019.960

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	66.236.364	70.272.727
Hợp tác kinh doanh cho thuê kios, cho thuê mặt bằng	1.440.136.356	949.999.998
Thu nhập từ hoàn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	198.464.524	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ đền bù	40.852.700	-
Thu nhập khác	96.885.200	108.589.042
	1.842.575.144	1.128.861.767

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí tiền chậm nộp thuế	60.610.163	-
	60.610.163	-

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.081.999.366	22.762.430.300
Các khoản điều chỉnh tăng	804.715.469	351.410.864
- <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	218.500.000	96.000.000
- <i>Chi phí chăm lo người nghèo, trẻ mồ côi</i>	297.226.948	207.520.170
- <i>Chênh lệch do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá</i>	5.538.719	-
- <i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	283.449.802	47.890.694
Các khoản điều chỉnh giảm	(108.142)	-
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	(108.142)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	27.886.606.693	23.113.841.164
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.971.651.673	5.778.460.291
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(2.383.121.585)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	145.972.738	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.117.624.411	3.395.338.706
Thuế TNDN nộp bổ sung do tính lại ưu đãi thuế được hưởng	860.961.478	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	956.591.482	833.332.589
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.302.346.990)	(3.272.079.813)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	2.632.830.381	956.591.482

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	19.964.374.955	19.367.091.594
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.964.374.955	19.367.091.594
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.545.777	4.545.777
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.392	4.260

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.314.683.108	169.622.877.115
Chi phí nhân công	57.238.261.547	45.188.621.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.465.931.387	8.243.782.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.839.836.353	22.992.471.294
Chi phí khác bằng tiền	21.524.254.671	19.337.751.143
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	284.382.967.066	265.385.503.686

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.003.972.653	-	27.849.076.138	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.614.868.425	-	41.744.473.151	-
Đầu tư dài hạn	2.150.000	-	1.860.000	-
	<u>55.620.991.078</u>	<u>-</u>	<u>69.595.409.289</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	21.263.670.982	30.005.244.388
	<u>21.263.670.982</u>	<u>30.005.244.388</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.003.972.653	-	-	16.003.972.653
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.614.868.425	-	-	39.614.868.425
Đầu tư dài hạn	-	2.150.000	-	2.150.000
Cộng	55.618.841.078	2.150.000	-	55.620.991.078
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.849.076.138	-	-	27.849.076.138
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.744.473.151	-	-	41.744.473.151
Đầu tư dài hạn	-	1.860.000	-	1.860.000
Cộng	69.593.549.289	1.860.000	-	69.595.409.289

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	21.084.111.723	179.559.259	-	21.263.670.982
Cộng	21.084.111.723	179.559.259	-	21.263.670.982
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	29.825.685.129	179.559.259	-	30.005.244.388
Cộng	29.825.685.129	179.559.259	-	30.005.244.388

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Sản xuất	Thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	287.125.665.252	252.913.298.915	2.973.384	540.041.937.551	-	540.041.937.551
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.932.657.043	4.647.249.352	2.973.384	68.582.879.779	-	68.582.879.779
Tổng chi phí mua TSCĐ	11.985.529.617	293.171.454	91.307.363	12.370.008.434	-	12.370.008.434
Tài sản bộ phận	55.388.721.521	54.422.866.494	-	109.811.588.015	-	109.811.588.015
Tài sản không phân bổ				16.671.054.682		16.671.054.682
Tổng tài sản	55.388.721.521	54.422.866.494	-	126.482.642.697	-	126.482.642.697
Nợ phải trả của các bộ phận	26.601.215.362	489.305.196	-	27.090.520.558	-	27.090.520.558
Nợ phải trả không phân bổ				16.646.522.869		16.646.522.869
Tổng nợ phải trả	26.601.215.362	489.305.196	-	43.737.043.427	-	43.737.043.427

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

	Xuất khẩu	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	40.216.298.223	11.841.812.795	487.983.826.533	540.041.937.551	-	540.041.937.551
Tài sản bộ phận	-	2.759.572.047	107.052.015.968	109.811.588.015	-	109.811.588.015
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	12.370.008.434	12.370.008.434	-	12.370.008.434

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

29 .NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (TCT)	Công ty mẹ	29.925.400	-
- Công ty TNHH MTV LT TP Hồ Chí Minh	Công ty con TCT	4.773.921.100	7.307.967.367
- Công ty Lương thực Đồng Tháp	CN trực thuộc TCT	208.990.564	159.650.191
- Công ty TNHH Bình Tây	Công ty con TCT	136.556.993	113.208.841
- Công ty LT Quảng Ngãi	CN trực thuộc TCT	83.898.740	-
- Công ty CP XNK NSTP Cà Mau	Công ty con TCT	42.272.665	53.480.712
- Công ty Lương thực Tiền Giang	CN trực thuộc TCT	16.657.241	14.422.663
- Công ty Lương thực Trà Vinh	CN trực thuộc TCT	32.114.526	31.140.918
- Công ty Lương thực Sóc Trăng	CN trực thuộc TCT	1.073.450	4.501.061
- Công ty Lương thực Sông Hậu	CN trực thuộc TCT	6.142.592.160	-
- Công ty CP Thực phẩm Biển Xanh	Công ty con TCT	30.672.320	-
- Công ty Lương thực Vĩnh Long	CN trực thuộc TCT	-	10.236.940
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Lương thực Tiền Giang	CN trực thuộc TCT	524.026.000	5.200.200.000
- Công ty Lương thực Bến Tre	CN trực thuộc TCT	6.909.900.000	6.823.000.000
- Công ty Bột mỳ Bình Đông	Công ty con TCT	18.409.168.000	18.338.792.000
- Công ty Lương thực Trà Vinh	CN trực thuộc TCT	1.510.050.000	101.500.000
- Công ty CP Thực phẩm Biển Xanh	Công ty con TCT	5.822.728	2.727.273

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty TNHH MTV LT TP Hồ Chí Minh	Công ty con TCT	355.033.523	548.433.913
- Công ty Lương thực Sông Hậu	CN trực thuộc TCT	1.122.729.886	-
- Công ty Lương thực Đồng Tháp	CN trực thuộc TCT	17.568.497	16.412.094
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Lương thực Bến Tre	CN trực thuộc TCT	1.118.880.000	1.837.500.000
- Công ty Bột Mỳ Bình Đông	Công ty con TCT	2.199.120.000	6.668.103.200
- Công ty TNHH MTV LT TP Hồ Chí Minh	Công ty con TCT	-	119.347.000
- Công ty Lương thực Tiền Giang	CN trực thuộc TCT	-	319.000.000
- Công ty Lương thực Trà Vinh	CN trực thuộc TCT	-	111.650.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;	3.691.302.223	2.726.518.977
- Thu nhập của Ban kiểm soát	303.857.000	264.000.000

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
7/13-7/25 Kha Vạn Cân, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng
Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Thu Hồng
Tổng Giám đốc

